

**BỨC**

**TỬ**



• *Mến tặng những chiến sĩ QLVNCH*

1.

Khi bạo tàn đã bức tử giang sơn  
Người lính miền Nam, bị khóa tay sau đó  
Họ đi tù hay về đâu, không rõ  
Chỉ biết trời am, lá rụng vô cùng !

Khi đài Sài gòn loan tin, miền Nam thất thủ  
Người lính trận, gãy súng ở biên cương  
Nghĩa khí thay ! họ đã cùng đường  
Vẫn không đầu hàng  
Khi Dương văn Minh trên đài, gọi kêu ra rả

Khi hồi ơi ! miền Nam bị cưỡng chiếm  
Giọt lệ buồn, tuôn chảy khắp non sông  
Anh lính miền Nam, ngã ngựa giữa dòng  
Bị lừa vào tù, sống thua súc vật !

2.

Khi em hát bài ca biệt xứ  
Người lính trận, không còn ở quê hương  
Họ đi đâu ... địa ngục hay thiên đường ?  
Mẹ già vô ra , than dài thở ngắn !

Buộc lòng phải vượt biển - sống ly hương  
Người lính già, thương mình, xa Tổ quốc  
Cầm ly rượu , tủi thân mà khóc  
Nước mắt đâu còn, tạ tội cố hương !

Chưa có mùa xuân, cho người vong quốc  
Chỉ nỗi nhớ nhà, trong trái tim khô  
Chỉ còn quê hương bên đó ... đồng bào  
Và chiến địa ... những ngày ta cầm súng.

- NGUYỄN ĐÔNG GIANG

# ĐƯA ANH VỀ

DIỆP MỸ LINH

Sau khi Hương Giang yêu cầu tài xế cho xe chậm lại, rồi dừng trước tiệm bán sách báo, băng nhạc. Nàng quay ra sau, dặn em:

-Đức! Chị cần mua mấy chai nước, Đức chờ chút, nha.

Đức “ạ”, mắt vẫn khép, rồi lại trầm ngâm, cố xua đuổi hình ảnh ngôi nhà xưa của Ba Mạ gần gốc phượng già bên bờ



sông Hương. Lúc trưa Đức bảo tài xế chạy ngang xem có thể vào thăm hay không; nhưng khi xe chạy gần đến, thấy ngôi nhà đã được thay bằng căn nhà nhiều tầng và sơn phết rất lòe loẹt, Đức bảo chú tài xế chạy thẳng.

Ngôi nhà xưa không còn nhưng hình ảnh bi thương của Ba bị Việt Cộng đập vỡ sọ và hai

đứa em bị trói, vất xuống sông Hương năm Mậu Thân, cứ chờn vờn trong tâm trí của Đức. Vì cái chết oan ức của

chồng, con và cũng vì hành động tàn ác, dã man của Việt Cộng – khi Việt Cộng vi phạm hiệp ước ngưng chiến do chính Việt Cộng ký kết – Mẹ quyết định giữ nguyên tình



trạng ba xác chết để làng xóm và các con của Mẹ, khi về thọ tang, có thể thấy được!

Khi gia đình Hương Giang cùng hai em Đức và Đăng về, thấy Mẹ hoàn toàn kiệt sức, vì phải trải qua nhiều ngày đơn độc trong nỗi khổ đau chập chùng! Lúc này chị em của Đức mới biết lý do Mẹ và o Thơm, người giúp việc nhà cho Mẹ, thoát chết là nhờ Mẹ về Đà Nẵng lo tu bổ mồ mã bên Ngoại; o Thơm xin về quê vài ngày.

Chiều đến, o Thơm lo xong bữa ăn nhưng người lớn không ai ăn được; chỉ có các cháu nội ngoại của Ba vừa ăn vừa quệt

nước mắt. Bất ngờ tiếng hát từ chiếc ghe trên sông Hương vọng vào, mà người hát lại sửa vài chữ, rất hợp với tâm trạng của mọi người: “...*Quê hương em nghèo lắm ai ơi, mùa đông thiếu áo hè thời thiếu ăn. Trời rằng, Trời ‘lùa Việt Cộng’ về đây á à ơi! Khiến đau thương thấm tràn ...*” Tiếng hát vừa đến đây, Mạ gục xuống. Hương Giang đau đớn gọi chồng: “*Anh Nam ơi! Làm ơn đóng cửa lại! Mạ chịu không thấu mô!*”

Chôn cất Ba và hai em xong, Mạ lê bước không nổi để rời nghĩa trang! Đấng khom người: “*Mạ! Mạ ôm cổ con, con công Mạ đi.*”

Hình ảnh Đấng công Mạ rời nghĩa trang vừa thoáng hiện trong tâm thức của chàng thì Đức chợt cảm thấy nhói đau trong lòng vì tiếng hát từ tiệm sách vọng ra: “*Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm, tôi sẽ đi thăm nhiều nghĩa địa buồn đi xem mộ bia nhiều như nấm...*” Đức vội chồm ra cửa xe, muốn tìm Hương Giang, bảo tài xế lái xe rời chỗ này ngay để chàng khỏi phải nghe bài hát của một thằng bạn cùng quê nhưng khác lý tưởng, nhưng không thấy Hương Giang, nên vẫn phải nghe tiếp: “*Khi đất nước tôi không còn chiến tranh, Mẹ già lên núi tìm xương con mình...*”. Đức gục đầu, thảm ước, phải chi chàng có thể khóc được, như Mạ đã khóc vùi khi thấy chữ Đấng được bạn tù viết lên khúc gỗ, cắm nơi phần mộ còn mới của Đấng, bên bờ lau sậy của trại tù ngoài Bắc! Cái chết tức tưởi của Đấng khởi nguồn từ buổi chiều, sau khi cùng vài bạn tù đi chôn người bạn tù chết vì ruột thừa bị làm độc mà ban quản giáo không cho chuyển đi bệnh viện!

Chôn bạn xong, trở về, lòng buồn cho tình cảnh của bạn và tủi cho chính mình, Đấng hát nho nhỏ những câu ca chợt đến trong hồn: “*Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm, tôi*

sẽ đi thăm, cầu gẫy vì mình, đi thăm hầm chông và mã tấu... Khi đất nước tôi không còn chiến tranh, bạn bè mấy đứa vừa xanh nám mồ...”. Vừa hát đến đây, Đãng bị tên vệ binh đi cạnh “phan” liên tiếp mấy bả súng vào đầu. Đãng ngồi thụp xuống, dùng hai tay che đầu trong khi bạn tù cùng la lên: “Đang không sao đánh người ta?” Mấy tên vệ binh khác bu đến, hỏi: “Có ‘sự cố’ gì thế?” Tên vệ binh đã đánh Đãng đáp: “Nó hát những ‘nời’ phản động thì để nó sống ‘nằm’ đi. gì!” Tên quân giáo lôi Đãng đứng lên, hất hàm: “Anh hát cái gì, ‘nập nại’ xem.” Đãng lập lại. Tên quân giáo quát: “Đất nước đã được ‘giải phóng’, được thống nhất thì nhân dân phải ‘hồ hởi’, phấn khởi sống trong hạnh phúc chứ sao ‘nại’ đi thăm mấy chỗ quái quỷ ấy? Rồi ‘nại’ bạn bè xanh mồ ‘nà’ sao, hả?” Đãng đáp: “Bản nhạc này là của Trịnh Công Sơn, một cảm tình viên hạng nặng của các anh đó”. Cả nhóm nhìn nhau, lúng túng vì không biết Trịnh Công Sơn là ai. Tên quân giáo hỏi: “‘Chịnh’ Công Sơn ‘nà’ thằng chết tiệt nào, hả? Nó đặt ‘nời’ ca phản động thế đấy mà anh dám bảo nó ‘nà’ cảm tình viên của ‘cách mạng’ à? Cảm tình thì ‘nằm’ sao cần được mà ‘nại’ nặng với nhẹ? Cách mạng đã khoan hồng, tha tội chết cho các anh, giữ các anh trong này để nhân dân không nổi máu căm thù mà giết chết các anh. Anh có hiểu như thế không, hả?” Đãng cười khẩy: “Hiểu chứ sao không!” Tên quân giáo hất mặt: “Anh hiểu ‘nà’ hiểu như thế nào?” Đãng cười nửa miệng: “Miếng bánh cốm mà tôi mời cán bộ hôm trước là do lòng căm thù của nhân dân dành cho Ngụy quân mà tôi có đấy.” Tên quân giáo đỏ mặt: “Này! Đang ‘chanh nuận’ về thằng phải gió ‘Chịnh’ Công Sơn mà anh nói quàng nói xiêng hả?” Đãng vẫn tinh bơ: “Tôi không nói quàng nói xiêng. Cán bộ muốn biết Trịnh Công Sơn là thằng phải gió nào thì tôi cho cán bộ biết. Trịnh Công Sơn là tác giả bài Đoàn Bò Về Thành Phố đó.” Tên quân giáo ngạc

nhiên: “Bò gì mà ‘nai’ về thành phố cả đàn?” Đãng cười: “Tháng Tư 75 tụi nó về thiếu gì!” Tên quản giáo lắc đầu: “Thằng này điên dzôi. Nó nói gì đ. ai hiểu. Dem nó về cho ban quản giáo ‘xử ný’ nó.”

Ban quản giáo “xử lý” Đãng bằng cách biệt giam.

Tối đó, vì bị tên vệ binh đánh nhiều bả súng vào đầu lúc chiều, Đãng bị chảy máu trong não mà không ai biết!

Hôm sau, ban quản giáo bảo Đãng bị trúng gió, chết!

Lúc được phép dời mộ của Đãng, Mạ phải bán chiếc nhẫn cưới, thuê người cải táng cho Đãng. Lúc mở manh chiếu rách bọc thân của Đãng, Mạ thấy mảnh giấy ghim vào chiếc áo tả toi của Đãng: “Giặc lái phản lực”!

Sau khi được bảo lãnh sang Mỹ, Mạ bị bệnh trầm cảm nặng, ngủ không được. Một hôm, đi làm về, Đức thấy những chai thuốc bệnh, thuốc bổ trống trơn nằm cạnh thân người của Mạ! Lúc đưa Mạ vào xe hồng thập tự xong, nhân viên mới gỡ từ tay Mạ tờ giấy ghi “Giặc lái phản lực” trao cho Đức!...

...Trong khi Đức miên man trong dòng ký ức buồn thảm thì Hương Giang, sau khi lấy mấy chai nước, thấy CD nhạc ngoại quốc được bày bán, vội đến xem. Một ông Việt Nam đến:

-Thưa bà, bà cho phép tôi hỏi bà một câu, được không ạ?

-Vâng, anh cứ hỏi.

-Thưa bà, dường như tôi đã gặp bà đâu đó...

-Tại sao anh lại nghĩ như vậy?

-Thưa, vì bà trông quen lắm. Có phải ông nhà, trước 1975, là Hải Quân V.N.C.H. không ạ?

Thấy rõ sự lúng túng như sợ sệt của Hương Giang, ông Việt Nam trấn an bằng cách vừa nói vừa mở khuy áo, hé lộ vùng ngực bên trái để Hương Giang thấy hai chữ “Sát Cộng” còn hằn trên vùng ngực của ông:

-Tôi là lính Hải Thuyền; về sau được sát nhập vào Hải Quân V.N.C.H.

-Trời! Sao anh còn dám để hai chữ đó?

-Hải Thuyền mà, bà! Hồi trước hành quân bằng ghe Di Cư, phải chèo tay, mà tụi tôi còn bắt được ghe Trung Cộng nguy trang đó!

Nghe nhắc đến ghe Trung Cộng nguy trang, Hương Giang hỏi dò:

-Vậy anh có phục vụ tại Duyên Đoàn 26 hay không?

-Đúng rồi! Em nhận ra chị rồi. Em là Lực đây, chị Hai! Duyên Đoàn 26 bắt 2 ghe Trung Cộng chứ ai!



Ngày trước, Nam không cho thuộc cấp gọi Hương Giang bằng “bà” mà chỉ nên gọi là “chị” hoặc “cô”.

Những quân nhân này nghe em của nàng gọi nàng bằng “chị Hai” cho nên họ cũng gọi nàng bằng “chị Hai”. Hương Giang hỏi:  
-Hồi đó, sau khi rời Duyên Đoàn 26, anh thuyền chuyển đến đơn vị nào?



-Dạ, Duyên Đoàn 13.

-Ông nhà tôi cũng có thời gian phục vụ tại Duyên Đoàn 13.

-Có lẽ lúc Chỉ Huy Trưởng về thì em đổi đi rồi

-Ông nhà tôi không còn nữa!

-Trời! Sao vậy, chị Hai?

-Lần cuối cùng tôi thăm nuôi ông ấy, ông ấy cứ bảo Mẹ con tôi nên tìm cách về Mỹ Tho mà sống, vì người dân ở đó hiền hòa; còn ở kinh tế mới Long Tân sẽ khổ sở cả đời. Hiểu ý ông ấy tôi về bán tất cả những gì có thể bán rồi đem các cháu vượt biển. Sau đó tôi được gia đình cho hay ông ấy vượt ngục và bị Việt Cộng bắn chết! Gần đây, em tôi liên lạc được với một tổ chức tư nhân, chuyên giúp người miền Nam tìm lại mộ phần hoặc vết tích của người thân ở tù ngoài Bắc. Bây giờ chị em tôi ra Bắc để nhờ họ giúp tìm mộ ông ấy.

-Em biết ông mà! Đời nào ông chịu bó tay để tụi Việt Cộng cầm tù!

Giọng bùi ngùi, Lực tiếp:

-Chị cho em đi với, chị Hai.

Hương Giang để mấy chai nước và mấy CD lên quày tính tiền, đáp:

-Đường xá xa xôi, khó khăn lắm, anh Lực à!

-Khó thì khó. Tình thầy trò mà, chị. Cho em đi tìm ông với, chị Hai!

Hương Giang lắc đầu. Lực tiếp:

-Chị nhớ hồi ở Duyên Đoàn 26, em đi hành quân với ông suốt mấy ngày, tại hậu cứ Bình Ba, vợ em chuyển dạ, không có phương tiện đưa qua Ba Ngòi, thằng Tài y tá hoảng quá, chạy lên nhờ chị. Chị, dù không phải là y tá hay là nữ hộ sinh,

cũng mau mắn đến giúp thằng Tài, đón con trai đầu lòng của em vào đời. Chị nhớ chuyện đó không, chị Hai?

Không ngờ Lực nhắc lại một kỷ niệm mà nàng đã quên từ lâu, Hương Giang xúc động:

-Xin lỗi, tôi nhớ đã dựa vào những hiểu biết sơ đẳng để giúp vợ một anh Hải Thuyền sinh “con so”, tại Bình Ba; nhưng tôi không nhớ cháu bé đó là con của ai. Lâu quá rồi, anh Lực!

-Chị quên, nhưng vợ chồng em không thể quên. Em không dám nói là để đền ơn chị, nhưng em muốn giúp chị và em cũng muốn làm một chút gì cho ông.

-Vâng. Xin cảm tạ tấm lòng của anh đối với ông nhà tôi và tôi.

Lực nói với cô dâu ngân:

-Con chào bà đi, con. Khi Mẹ về, con nói với Mẹ là Ba gặp lại người đã giúp y tá Tài lo cho Mẹ sinh anh Lương; và Ba đưa bà đi tìm phần mộ của ông ấy.

Quay sang Hương Giang, Lực tiếp:

-Thôi, chị Hai, không tiền nong gì hết. Xin lỗi chị, em vô lấy vài thứ cần dùng để đem theo rồi em ra xe ngay.

\*\*\*\*\*

Nhìn chiếc cầu cheo leo bắt ngang dòng suối chảy xiết để qua bên kia khu rừng thưa, nơi Cộng Sản Việt Nam đã giam và đày đọa không biết bao nhiêu quân cán chính V.N.C.H, Lực đề nghị:

-Chị Hai, anh Đức và anh Thạch ở lại đây. Em và Niên sẽ qua bên đó.

Hương Giang ngăn:

-Không được, anh Lực! Tôi không thể để anh đi một mình. Nguy hiểm lắm.

-Chị Hai! Chị nhớ, hôm gặp lại chị em đã cho chị xem hai chữ gì không?

-Tôi biết. Nhưng trách nhiệm đối với bà xã và các con của anh nặng lắm, tôi ...

-Ông đã từng sống chết với em, chị cho em lo cho ông lần cuối, nhen, chị Hai.

Đức góp ý:

-Em đi với anh Lực, chị khỏi lo.

Lực quay sang Đức:

-Xin lỗi anh. Anh đã có tuổi, lại thêm gần mười năm tù Cộng Sản, phản ứng và sự nhanh nhẹn của anh không thể nào bằng em được.

Nhìn Niên xách các dụng cụ dùng để dời mộ và Lực xách chiếc rương nhỏ để đựng xương cốt của Nam, Hương Giang thở dài. Khi thấy Lực tay vịn vào sợi dây rừng của chiếc cầu treo để lần dò từng bước theo Niên, nàng lặng lẽ khóc. Vừa lấy Kleenex thấm nước mắt nàng vừa thàn khẽ: *“Anh sống khôn thác thiên, xin phù hộ cho Người Lính Hải Thuyền tốt bụng để anh ấy đem hài cốt của anh về.”* Sau giây phút xúc động, nàng lại lo cho Lực:

-Anh Thạch! Từ đây qua bên đó nguy hiểm không?

-Không. Dân tình ở đây hiền lắm. Họ ôm trong lòng “nỗi đau Việt Nam” cho nên ngày trước, hề thấy vắng vệ binh hoặc cán bộ là họ biểu tù cải tạo những gì họ mang theo để ăn trưa khi làm rẫy.

-Sao anh biết?

-Ngày trước tôi là quản giáo trại tù này mà. Đức và Hương Giang thoáng giật mình, nhưng trấn tĩnh ngay. Đức góp chuyện:

-Vậy mà tôi cứ tưởng người Bắc căm thù chúng tôi như lời cán bộ thường tuyên truyền.

-Cắm thù gì! Ngay như tụi Mỹ mà chúng tôi cũng chả cắm thù nói gì người miền Nam.

-Thế tại sao các anh đánh cho “Mỹ cút”?

-Trên bảo đánh thì mình phải đánh, không đánh thì mình chết; mà không phải một mình mình chết! Ngoài này không như trong Nam. Trong Nam, trốn lính thì chỉ cá nhân đó chịu tội, cha mẹ, vợ con không liên đới trách nhiệm; còn ngoài này, hễ trốn lính là nó cắt khẩu phần, tem phiếu thực phẩm của gia đình. Vợ con chỉ có chết đói thôi! A, anh nhớ vụ John McCain không? Cậu bé 16 tuổi vớt ông ấy chứ ai! Nếu dân cắm thù Mỹ thì lúc ấy làm thế nào John McCain sống nổi. Nhưng phải công nhận, John McCain tốt số. Nếu hôm ấy mà John McCain gặp bộ đội hoặc công an thì làm gì còn có thượng nghị sĩ John McCain!

-Tại sao bộ đội và công an lại nuôi cắm thù dữ vậy?

-Cắm thù trong bài Quốc ca chứ đâu. Trẻ con vừa lớn là phải thuộc lòng bài Tiên Quân Ca, phải gào to “*Thẻ phanh thây uống máu quân thù*”. Bây giờ “nhà nước” sửa lại là “*Đài vinh quang xây xác quân thù*”. Thế thì bộ đội và công an giết người để xây đắp vinh quang cho đảng, cho “nhà nước” và cho cá nhân chứ có phải chiến đấu vì đất nước, vì quê hương con mẹ gì đâu! Còn bài Quốc ca miền Nam thì hiền bỏ xừ! “Thù nước” chỉ biết “lấy máu” của mình để báo thù thôi. Bởi thế nhân dân và lính miền Nam mới hiền.

Hương Giang hướng câu chuyện trở lại sự lo âu của nàng về Lục:

-Công việc đời mộ lâu không, anh Thạch?

-Mộ gì, chị! Hồi ấy trên chỉ thị là chỉ lấp vôi lấp vàng hay là lấy đá chất chung quanh như kiểu “vùi nông một nắm” chứ đâu phải đào sâu xuống đất.

-Trời! Nếu vậy, thú rừng đào lên ăn thịt, làm sao?

-Thời buổi ấy mạng người miền Nam còn thua con kiến mà, chị!

Hương Giang cúi mặt, buồn! Thạch tiếp:

-Nói thật với anh chị, sống và làm việc gần với “sĩ quan Ngụy” tôi thấy họ khác với chúng tôi nhiều lắm.

Đức hỏi:

-Khác như thế nào?

-Đa số “sĩ quan Ngụy” đều có học vấn cao, người lại cao, to, đẹp “giai” mà lại còn “văn nghệ văn gừng” nữa.

-Anh biết hoặc thích văn nghệ không?

-Hồi đó văn nghệ ngoài này chỉ là “xôn đồ mi” và bài Quốc Tế Ca như thời Bô tôi chứ biết gì đâu mà thích! Đến thời tôi và cháu tôi, thằng Niên đấy, thì mới có Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây. Sau “giải phóng” cũng chưa có gì khác. Mãi đến khi “nhà nước” không còn cấm nhạc vàng nữa thì tôi mới thích nhạc vàng.

-Tại sao lại gọi là “nhạc vàng”? Chúng tôi chỉ gọi là âm nhạc thôi.

-Cái gì quý thì mình gọi là quý như vàng ấy mà.

-Anh vào Nam chưa?

-Chưa. Vợ chồng, con cái tôi nghèo lắm. Từ khi có nhiều người Nam ra Bắc lo vấn đề tìm mộ hoặc vết tích của những sĩ quan Ngụy đã chết trong các trại tù, những gia đình nghèo như chúng tôi mới bắt đầu có miếng ăn kha khá.

-Ừ, tôi tưởng, sau 1975, đời sống mọi người khá rồi chứ.

-Khá gì! Những gì anh chị thấy không thể nói lên sự thật đâu.

-Tôi thấy thi hoa hậu và lễ lượt linh đình hoành. Nhà ai cũng xe cộ; tẻ lắm thì xe hai bánh. Cứ sáng ra là người đông nghẹt ngoài đường. Thanh niên thì suốt ngày ngồi đây các hàng quán dọc vỉa hè. Các nơi giải trí như “cà-phê mừng”, bia ôm, “xi-nê giường” lúc nào cũng đông nghẹt.

-Thi hoa hậu và lễ lượt linh đình để bọn con gái mang giày cao cả tất – mà chúng nó gọi là “em chân dài”, phô trương đồ giả, toàn là bơm với độn! Nói thật, con gái Á đông chinh phục được cảm tình của mọi người trên thế giới là nhờ đặc điểm dịu dàng, thùy mị, khả ái và kín đáo chứ con gái Á đông làm sao “xét-xy” cho bằng con gái Âu Mỹ; mà cái gì của con gái Âu Mỹ cũng đa số là đồ thật, ít bơm, ít độn! Nhưng mục đích chính của “nhà nước” tổ chức thi hoa hậu và lễ lượt liên miên là để ru ngủ thanh niên. Thanh niên ham chơi, chẳng thèm lưu tâm đến những điều khuất tất do “nhà nước” chủ xướng. Nhiều nhà có xe hai bánh vì cái xe là “chân” đi kiếm cơm. Còn thanh niên bảnh mắt ra ngồi đầy quán vỉa hè vì thằng nào con nào cũng có bằng tiến sĩ thạc sĩ mà tìm việc không ra; vì hai lý do. Thứ nhất, không ai có thể xác nhận được bằng thật hay bằng “mua”. Thứ hai, việc làm chỉ dành cho bọn ông cháu cha thôi. Các nơi giải trí đòi trụ “mọc” lên như nấm là vì đạo đức suy đồi tận gốc sau 70 năm được đảng và “nhà nước” chỉ đạo.

-Nói như vậy anh không ngại bị rắc rối với công an sao?

-Rắc rối gì! Thiên hạ chửi om sòm ngoài đường, trên “phây búc” nữa. “Con giun đánh lấm cũng quần” chứ!

-Tôi khuyên anh nên cẩn thận.

-Chả nhẽ anh chị đi báo công an bắt tôi? Mà bắt thì bắt, tù vài năm có thể được Mỹ can thiệp và biết đâu lại được sang Mỹ!

-Nếu được sang Mỹ, anh có đi hay không?

-Ôi, Giời! Trước 75, ta dốc toàn lực đánh cho Mỹ rút Ngụy nhào. Sau 75, ta dốc toàn lực “chôm chia” để đưa con sang Mỹ rồi từ từ con ta bảo lãnh ta sau.

-Nếu vậy thì mấy triệu thanh niên miền Bắc chết cho cuộc chiến chống Mỹ để làm gì?

-Nhờ “in-tơ-nết” mà ai cũng thấy đảng và nhà nước đi từ sai lầm này đến sai lầm khác.

-Sai lầm như thế nào?

-Ngày xưa, bao nhiêu nước ngày xưa bị Pháp đô hộ mà ngày nay họ vẫn độc lập, không tốn một viên đạn, một giọt máu. Thắng Pháp rồi ta lại đánh ta còn tàn nhẫn hơn là ta đánh Pháp.

-Ừa, các anh đánh các anh tại sao không ai thấy có cuộc cách mạng nào cả?

-Không phải cách mạng. Tôi muốn nói “cải cách ruộng đất” đây!

Đức và Hương Giang đưa mắt nhìn nhau. Thạch tiếp:

-“Cải cách ruộng đất” nó tệ hơn một cuộc chiến, vì cuộc chiến thì ta đánh với địch; còn “cải cách ruộng đất” thì con tố cha, vợ tố chồng, đầy tớ tố chủ nhà, gây ra biết bao thảm cảnh và kinh hoàng.

-Anh có hãnh diện là Việt Minh đã thắng Pháp không?

-Hãnh diện gì! Pháp đô hộ Việt Nam mà mình có Quốc ngữ riêng, không phải học chữ như giun bò của Trung Cộng. Bảo rằng Pháp và Mỹ đô hộ mà Pháp và Mỹ có lấy của nhân dân cái nhà nào, mảnh đất nào không? Ngược lại, sau khi “giải phóng” miền Nam, Cộng Sản Việt Nam đã tịch thu tất cả nhà cửa, tài sản rồi đuổi không biết bao gia đình người miền Nam đi kinh tế mới? Thế thì ai mới là kẻ đô hộ? Ngày trước, căn cứ quân sự của Mỹ chỉ có câu “không phận sự, cấm vào”. Còn Trung Cộng ở trên đất nước mình, khai thác tài nguyên của mình, lấy vợ Việt Nam, sinh con, lập khu tự trị mà nó lại để bằng “Nghiêm cấm người Việt lai vãng”.

Hương Giang nghĩ, có thể đây là nghiệp báo. Năm 1954, trước khi tập kết ra Bắc, người Cộng Sản Việt Nam đã “cấy” những “hạt giống đỏ” để lại miền Nam. Khi những đứa bé này lớn lên, người Mẹ kể về người cha tập kết; thế là đảng và

“nhà nước” có những tên du kích và nằm vùng mà đảng và “nhà nước” không tốn công nuôi! Nhưng nằng lại nói khác:

-Nghe bảo tụi Tàu thuê đất của mình mà.

-Đúng là tụi Trung Quốc có hợp đồng thuê đất; nhưng tiền Trung Quốc trả để thuê đất “chạy” vào túi của “nhà nước” và đảng hết bảy tám mươi phần trăm rồi! Sau “giải phóng” chúng tôi mới “ngã ngựa” ra là mấy ông Tướng và quan chức cao cấp V.N.C.H. đều ở trong những ngôi nhà do Pháp để lại chứ họ không có nhà riêng; còn bây giờ, nhà của mỗi ông Tướng hoặc quan chức của đảng Cộng Sản Việt Nam là một lầu đài – cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Máu xương của người Việt Nam đổ ra trong hai cuộc chiến chống Pháp chống Mỹ đâu phải để cho cấp lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam xây lầu đài, gửi con sang Mỹ du học, đem theo tiền mua bất động sản; trong khi con của nhân dân thì nghèo đói, con trai phải đi lao động nước ngoài, con gái phải “mình trần” cho Đại Hàn và Trung quốc chọn lựa, mua về làm vợ cho những kẻ tật nguyền hoặc có khi làm vợ cho cả cha và anh em trai cùng gia đình! Nếu thế thì hô hào “đánh cho Mỹ cút Ngụy nhào” để làm con mẹ gì! Cái thằng đáng đánh là thằng lảng giềng khốn nạn Trung Quốc mà đảng và “nhà nước” Việt Nam lại cứ cúi đầu chịu nhục!

Bây giờ, vụ cá chết lênh láng ở Vũng Áng và dọc theo miền Trung là do hãng Tàu khựa thải chất độc làm ô nhiễm môi trường rộng lớn của một đất nước bé nhỏ mà đảng và “nhà nước” cũng im thin thít. Khi nghe hãng Tàu khựa Formosa chịu bồi thường thì đảng và “nhà nước” đã vội “xén” bớt số tiền bồi thường!

Nói thật với anh chị nhé! Năm 1974, khi Trung Quốc xâm lăng Hoàng Sa mà Cộng Sản Việt Nam ra lệnh ngưng tấn công miền Nam rồi cho lệnh chúng tôi dốc toàn lực cùng



miền Nam chống lại sự xâm lăng của Trung Quốc tại Hoàng Sa thì, dù thua, nhân dân cả hai miền Nam Bắc cũng đều tôn thờ đảng Cộng Sản Việt Nam rồi!

Nhận thấy những nhận xét của Thạch rất chân thật và chính xác, nhưng Đức và Hương Giang cũng vẫn ngại ngùng, không dám góp ý. Đức tìm lý do để không phải kéo dài câu chuyện:

-Mấy hôm nay đi đường xa, em mệt, em muốn nghỉ một tý. Chị Hai cũng cần nghỉ ngơi để còn ngồi xe trở về nữa.

\*\*\*\*\*

Trên chuyến xe trở về, Hương Giang để rương đựng hài cốt của Nam cạnh chỗ nàng ngồi; thỉnh thoảng nàng đưa tay vuốt nhẹ như âu yếm, như mơn trớn người chồng can cường. Xe chạy ngang cầu Tư Hiền, nhìn về hướng hậu cứ Duyên Đoàn 13 cũ, Hương Giang cảm nhận được niềm thương nhớ dâng lên ngập lòng!

Nhìn vùng biển xa xa, Hương Giang tưởng như thấy được chiếc ghe Chủ Lực đang lướt sóng. Gần mũi ghe, Nam đứng thẳng, tay trái cầm ống liên hợp, tay phải chống vào mạn sườn. Hình ảnh Nam rõ dần cũng là lúc tiếng hát nức nở của Whitney Houston vang lên trong lòng người góa phụ “...*It's not very easy, living all alone. My friends try and tell me, find a man... But each time I try, I just break down and cry. Cause I'd rather be home feeling blue. So I'm saving all my love for you...*” (Saving All My Love For You của Whitney Houston)

ĐIỆP MỸ LINH

## LỊCH SỬ KHÔNG THỂ ĐƯỢC VIẾT NGƯỢC LẠI SỰ THẬT (Tòa soạn Đa Hiệu sưu tầm và hiệu đính)

Lịch sử của một dân tộc, của một quốc gia (dù còn tồn tại hay đã qua đi), cũng phải được ghi đúng như nó đã trải qua và phải được tôn trọng. Mọi sự bóp méo, xuyên tạc, viết sai lạc, cuối cùng, sớm hay muộn, cũng sẽ được phơi bày. Hỡi Việt cộng: Các người chủ quân dân VNCH là phản động, là đầy tớ của Mỹ: Các người cứ chủ. Chỉ cần nhìn qua hai tờ giấy bạc 500 đồng của hai miền Nam Bắc, của hai quốc gia: Việt Nam Cộng Hòa (VNCH, miền Nam) và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH, miền Bắc), là một bằng chứng trong hàng ngàn bằng chứng rõ ràng không thể chối cãi: Miền nào (quốc gia nào) là có tư tưởng làm nô lệ cho ngoại bang?. Hãy so sánh 2 đồng tiền 500 đồng dưới đây, một tờ mang hình Đức Thánh Trần Hưng Đạo (tiền VNCH của miền Nam), không có một chữ Mỹ, chữ Tây nào hết. Cũng một tờ 500 đồng, mang hình "cụ hồ" với những hàng chữ Tàu (tiền của VNDCCH của miền Bắc, tức Cộng Hòa ã Hội Chủ Ngh a Việt Nam sau này).



Nhìn đồng tiền 500 đồng của “nhà nước VNDCCH” mà cứ ngỡ là tiền của Tàu!

Chỉ từ hai tờ giấy bạc đó đã cho chúng ta thấy được một góc nhìn về lý tưởng quan điểm vì dân tộc của 2 chế độ là như thế nào. VNCH đã bán nước, lệ thuộc vào Mỹ hay là C VN

(VNDCCH) lệ thuộc, bán nước cho Tàu cộng?. Lịch sử sẽ rất công bằng khi các triều đại đối kháng đã qua đi.

**SĨ QUAN KHÓA NGUYỄN TRÃI (K19)  
TRƯỜNG VĨ BI QUỐC GIA VIỆT NAM**

## **Lời tòa soạn:**

Có lẽ, đây là lần đầu tiên DANH SÁCH đầy đủ các “Cùi” đã *VỊ QUỐC VONG THÂN* của một khóa được đăng vào tập san Đa Hiệu. Cho dù có muộn màng, nhưng không là quá trễ để làm điều này...Bạn cùng khóa lật từng trang Đa Hiệu để nhớ đến, huynh đệ đọc qua để biết tên, hậu duệ các đời sau đọc mà thương kính các chú bác đã đáp lời sông núi đi vào nơi lửa đạn để Bảo Quốc An Dân và rồi hy sinh cho Tổ Quốc khi tuổi hoa niên đang còn hồng thắm những ước mơ. Ước chi, các khóa khác cũng theo con đường của K19 để tập san Đa Hiệu sẽ là nơi ghi lại đầy đủ NHỮNG NGƯỜI CON YÊU VĨ BI ĐÃ *VỊ QUỐC VONG THÂN*. Trong tâm tình này xin thấp một nén hương lòng gửi đến CÁC ANH, Cố Cựu SVSQ, K19 đã *VỊ QUỐC VONG THÂN*, đặc biệt tưởng nhớ “Chef” cũ của tôi: Cố Th/Tá Võ Mộng Thúy (Thủy Tiên), Cựu TĐT/TĐ30 BĐQ, qua:

### **Mặc Niệm**

Một củi đầu –Mặc Niệm các anh  
Một nén hương dâng lên trong lòng  
Huynh Đệ còn đây mắt còn ngời sáng  
Bạn Hữu còn đây vẫn con tim hồng  
- Xin gió đời đời ru anh an nghỉ  
- Xin nắng quê mình sưởi ấm mộ anh  
Dù cỏ không còn vươn xanh mộ chí  
Nhưng trang sách giờ ghi nhớ tên anh.

Nguyễn Phán K24

**57.-Đại Úy Thái Văn Nghiệp, K19, (20/6/1942-1973)**

Sĩ quan thuộc Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân, hy sinh năm 1973 tại An Lộc, Bình Long.



**58.-Thiếu Tá Dương Quang Nhật, K19, (12/2/1940-1971).**

Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 23 Tiếp Vận thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Tử nạn trực thăng năm 1971, tại vùng Bắc Ban Mê Thuột.

**59.-Trung Úy Nguyễn Văn Nhứt, K19, (1942-1965).**

Là Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/ Tiêu Đoàn 44 Biệt Động Quân, tham chiến Hành Quân Dân Chí 179/ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, anh đã lập chiến công đầu với tài chỉ huy xuất sắc mà anh đã học được tại quân trường đem ra áp dụng nơi chiến trận. Anh được vinh thăng Trung Úy tại mặt trận vào ngày 1/1/1965, sau một tuần lễ hành quân.



Và suốt mùa xuân năm đó anh đã tiếp tục cùng đơn vị truy sát địch quân, trong các cuộc Hành Quân Dân Chí tiếp theo để bảo quốc an dân. Nhưng đạn thù đã không tránh người mà đã đưa anh vào miền miên viễn khi tuổi đời chỉ mới 23 vào tháng 7/1965 tại Sóc Trăng. Anh được truy thăng cấp Đại Úy.

**60.-Trung Úy Lê Văn Niên, K19, (15/2/1942-3/3/1966).**

Đại Đội Trưởng/ Trung Đoàn 1/ Sư Đoàn 1 Bộ Binh, hy sinh ngày 3/3/1966 tại Quảng Trị.

**61.-Thiếu Tá Nguyễn Bá Niết, K19. (20/11/1944-1975).**

Tháng 3/1975, Thiếu Tá Nguyễn Bá Niết là Liên Đoàn Phó Liên Đoàn Phòng Thủ Sư Đoàn 6 Không Quân tại Pleiku, với tinh thần trách nhiệm rất cao, đã ở lại đến giờ phút chót để lo sắp xếp di chuyển cho hết người và vật dụng cần thiết, Nguyễn Bá Niết ở lại để phá hủy những chiến cụ không thể mang đi được mà không để lại cho địch. Tuy là sĩ quan Không Quân nhưng anh ở lại tới giờ phút cuối, triệt thoái bằng đường bộ và anh đã hy sinh trên Liên Tỉnh Lộ 7B.



Tính thần trách nhiệm, thà hy sinh mình chứ không bỏ đồng đội, đồng bào của một SVSQ VB. (Người viết: Phạm Đình Long Khóa 19, người được Nguyễn Bá Niết đẩy lên máy bay).

**62.-Thiếu Úy Ngô Văn Nô, K19, (20/2/1940-21/2/1965).**

Sĩ quan thuộc Tiểu Đoàn 1/ Trung Đoàn 9/ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, hy sinh ngày 21/2/1965 tại Trị Tâm, Dầu Tiếng, và được truy thăng cấp Trung Úy.



**63.-Thiếu Tá Vũ Ngọc Hồ Paul, K19, 20/6/1942-30/4/1975).**

Liên Đoàn Trưởng Địa Phương Quân, hy sinh ngày 30/4/1975 tại Long Xuyên.

**64.-Đại Úy Mã Diệu Phong, K19, (27/11/1943-6/3/1968).**

Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2/ Trung Đoàn 31/ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, hy sinh ngày 6/3/1968 tại Cần Thơ.



**65.-Đại Úy Nguyễn Phú, K19, (11/4/1940-1972).**

Từ Sư Đoàn 5 Bộ Binh chuyển về Trung Đoàn 53/ Sư Đoàn 23 Bộ Binh, hy sinh năm 1972 tại Kontum.

**66.-Đại Úy Nguyễn Văn Phước, K19, (9/6/1942-30/10/1968).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh, hy sinh ngày 30/10/1968.

**67.-Đại Úy Nguyễn Văn Phước, K19, (28/5/1943-18/11/1969).**

Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1/ Trung Đoàn 31/ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, hy sinh ngày 18/11/1969 tại Chương Thiện, và được truy thăng cấp Thiếu Tá.



**68.-Đại Úy Nguyễn Thế Phương, K19,**  
(22/7/1942-1973)

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh, hy sinh năm 1973.

**69.-Thiếu Úy Nguyễn Thái Quan, K19,**  
(21/3/1942-28/12/1964)

Sĩ quan thuộc Binh Chủng Biệt Động Quân, hy sinh ngày 28/12/1964 tại Bình Giả.



**70.-Thiếu Úy Trương Công Quang, K19,**  
(4/7/1939-27/11/1965)

Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/2/ Trung Đoàn 7/ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, hy sinh ngày 27/11/1965, tại Dầu Tiếng, và được truy thăng cấp Trung Úy



**71.-Trung Úy Lê Văn Quế, K19.** (10/10/1943-6/4/1965).



Đại Đội Trưởng 4/ Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân, là một sĩ quan trẻ và gan dạ, rất được lòng các binh sĩ thuộc quyền. Đơn vị anh hành quân trận chiến đầu tiên trong khuôn khổ Hành Quân Dân Chí 129/ SĐ 21 BB, đã góp phần đắc lực trong công tác an dân. Anh được vinh thăng Trung Úy tại mặt trận và được tuyên dương trước Quân Đội với những thành quả do Đại Đội của anh đạt được. Nhưng hơn 3 tháng sau, đơn vị anh phải kịch chiến với một đơn vị địch cấp tiểu đoàn, anh đã đền nợ nước ngày 6/4/1965, được truy thăng cấp Đại Úy khi mới 22 tuổi.

**72.-Thiếu Tá Nguyễn Đăng Quy, K19,**  
(20/5/1941-2/1972)

Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/ Trung Đoàn 5/ Sư Đoàn 2 Bộ Binh, hy sinh tháng 2/1972 tại Đức Phổ, Quảng Ngãi.



**73.-Trung Úy Hà Sơn, K19, (1/2/1942-19/4/1968).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh, hy sinh ngày 19/4/1968 tại Quảng Tín.



**74.-Thiếu Tá Lý Văn Sơn, K19, (29/2/1940-26/3/1975).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh, hy sinh ngày 26/3/1975 tại Chu Lai, Quảng Nam.



**75.-Thiếu Úy Phạm Mạnh Tân, K19, (25/9/1944-8/5/1965).**

Sĩ quan Đại Đội 2/1/50/ Sư Đoàn 25 Bộ Binh, hy sinh ngày 8/5/1965 tại Bến Lức, Long An.



**76.-Đại Úy Hoàng Văn Thăng, K19, (10/8/1942-19/2/1970).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh, hy sinh ngày 19/2/1970.

**77.-Thiếu Úy Hồng Dũ Thiệu, K19, (10/10/1943-8/12/1965).**

Sĩ quan Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, hy sinh ngày ngày 8/12/1965 tại Quảng Nam.

**78.-Đại Úy Vũ Công Thiệu, K19, (6/10/1940-19/8/1968).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 7 Bộ Binh, hy sinh ngày 19/8/1968.





**79.-Trung Úy Hoàng Đình Thịnh, K19,** (20/3/1944-5/5/1968).

Sĩ quan Biệt Động Quân, hy sinh ngày 5/5/1968 tại Bình Chánh.

**80.-Trung Úy Nguyễn Tri Thọ, K19,** (6/6/1938-9/5/1969).

Quan sát viên L19/ Sư Đoàn 1 Bộ Binh, tử nạn ngày 9/5/1969 tại Phú Bài, Thừa Thiên, và được truy thăng cô Đại Úy.



**81.-Thiếu Úy Trần Đức Thọ, K19,** (13/4/1940- 16/12/1965).

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh, hy sinh ngày 16/12/1965.



**82.-Thiếu Úy Nguyễn Hữu Thoại, K19,** (10/2/1940-1/8/1965).

Sĩ quan thuộc Trung Đoàn 43/ Sư Đoàn 18 Bộ Binh, hy sinh ngày 1/8/1965 trong cuộc hành quân mở đường từ Long Khánh đi Xuyên Mộc, tỉnh Phước Tuy.

**83.-Đại Úy Bùi Thuế Thổ, K19,** (15/7/1942-1967).

Sĩ quan thuộc Tiểu Đoàn 42 Biệt Động Quân, hy sinh năm 1967 tại Bạc Liêu.



**84.-Đại Úy Nguyễn Văn Thu, K19.** (16/10/1941-5/4/1970).

Nguyễn Văn Thu, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân là một biểu tượng của Võ Bị nói chung và Khóa 19 nói riêng, về tình đồng đội, tinh thần trách nhiệm.

Nguyễn Văn Thu bị sốt rét, đang nằm bệnh viện, nhưng khi nghe tin tiểu đoàn của anh được lệnh hành quân thì anh xin bác sĩ cho một số thuốc uống và xin xuất viện để về tham dự



hành quân cùng đồng đội. (Người viết: Biệt Động Quân Đặng Kim Thu Khóa19).

Rồi trong cuộc hành quân ấy, Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân kịch chiến với địch quân, hay nói đúng hơn là một bầy dã thú. Trong Thung Lũng Dak Lao xác anh nằm cạnh xác cố vấn Mỹ, nhưng cả hai bị Cộng Quân chặt đầu, cặp lon đại úy bị chúng gỡ mất.

Nguyễn Văn Thu là một cấp chỉ huy can trường và đảm lược ngoài mặt trận, nhưng trong cuộc sống bình thường, Nguyễn Văn Thu là một người bạn, một người anh đầy lòng nhân ái, khoan dung, binh sĩ gọi anh là “Thu Thầy Tu”.



**85.-Trung Úy Nguyễn Văn Thu, K19, 7/7/1943-1/2/1968).**

Đại Đội Trưởng Đại Đội 23 Quân Nhu thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh, hy sinh ngày 1/2/1968 (Tết Mậu Thân) tại Ban Mê Thuột.

**86.-Thiếu Tá Võ Mộng Thúy, K19, (1/10/1941-3/1975).**

Khi còn là Trung Úy, đang phục vụ tại Phòng 3/ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, đã xin chuyển về Binh Chung Biệt Động Quân. Khi giữ chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Biệt Động Quân, Võ Mộng Thúy là người hùng trong trận VC vây căn cứ Krek Campuchia hơn một tháng trong năm 1971 (Báo Chiến Sĩ Cộng Hòa có viết mấy thiên phóng sự về Võ Mộng Thúy). Võ Mộng Thúy được thăng cấp Thiếu Tá tại mặt trận. Sau đó, về Quân Đoàn II, là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 32 Biệt Động Quân, đã hy sinh tháng 3/1975 khi chỉ huy trên chiến xa M113 vượt sông Ba trên Liên Tỉnh Lộ 7B trong khi Quân Đoàn II hành quân di tản.



**87.-Trung Úy Nguyễn Thừa, K19, (10/1/1941-3/1/1970).**

Đại Đội Trưởng/ Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến, hy sinh trong cuộc hành quân ngày 3/1/1970 tại Chương Thiện, và được truy thăng cấp Đại Úy.

**88.-Trung Úy Phạm Hữu Tốt, K19, (4/1/1942-28/4/1966).**

Sĩ quan thuộc Binh Chung Biệt Động Quân hành quân và đã hy sinh ngày 28/4/1966.

**89.-Thiếu Úy Ngô Trạc, K19, (12/3/1939-26/6/1965).**

Thiếu Úy Ngô Trạc, Đại Đội Trưởng/ Sư Đoàn 25 Bộ Binh, trong chương trình luân phiên về phép trong tháng 6/1965, anh đã được chấp thuận phép về quê cưới vợ. Đến ngày đi, một Thiếu Úy khác trong đơn vị đi phép chưa về kịp chuyển hành quân. Tình đồng đội và trách nhiệm chung của người lính chiến, Thiếu Úy Ngô Trạc đã bỏ lỡ một chuyến phép và đã tình nguyện hành quân với Đại Đội. Đã điều động Đại Đội chiến đấu đương đầu với địch cấp Tiểu Đoàn tại cầu An Hạ, chẳng may đã phải hy sinh. Một anh hùng vì quốc vong thân, anh đã được truy cổ Trung Úy.

**90.-Trung Úy Nguyễn Văn Trọng, K19, (27/3/1938-14/4/1967)**



Sĩ quan thuộc Tiểu Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến, hy sinh ngày 14/4/1967 trong cuộc hành quân tại Bồng Sơn, Bình Định.

**91.-Thiếu Úy Nguyễn Văn Truật, K19, (14/1/1938-3/6/1965).**

Đại Đội Trưởng Đại Đội 1/1/40/ Sư Đoàn 22 Bộ Binh, hy sinh ngày 3/6/1965, trong cuộc hành quân dọc Liên Tỉnh Lộ 7B, quận Phú Túc, tỉnh Phú Bổn.

**92.-Thiếu Úy Trần Hữu Trung, K19, (5/3/1941-29/9/1965).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 22 Bộ Binh, hy sinh trong cuộc hành quân ngày 29/9/1965.

**93.-Đại Úy Trần Tấn Trung, K19, (1/12/1938-1968).**

Sĩ quan Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn/ Trung Đoàn 11/ Sư Đoàn 7 Bộ Binh, hy sinh năm 1968 (Tết Mậu Thân) tại Trung Tâm Huấn Luyện Hùng Vương/ Sư Đoàn 7 Bộ Binh.



**94.-Thiếu Tá Nguyễn Anh Tuấn, K19, (22/4/1942-22/7/1971)**

Sĩ Quan Tùy Viên Tư Lệnh Quân Đoàn III, tử nạn ngày 22/7/1971 do trực thăng rơi tại Tây Ninh.



**95.-Thiếu Tá Lê Việt Tùng, K19, (11/12/1938-1972).**

Sĩ quan thuộc Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù, hành quân và hy sinh năm 1972 tại Quảng Trị.

**96.-Đại Úy Vũ Thiệu Tùng, K19, (19/6/1940-8/7/1968).**

Sĩ quan thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh, hành quân và hy sinh ngày 8/7/1968.



**97.-Thiếu Úy Trần Ngọc Tường, K19, (17/5/1944-23/5/1965).**

Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/4/32/ Sư Đoàn 21 Bộ Binh, chỉ huy đơn vị hành quân giải tỏa áp lực địch, đồng thời tiếp tế và tản thương cho đồn Khai Quang, ven sông Cái Tàu, U Minh Hạ, quận Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trên đường về, qua sự phản công rất hiệu quả của đơn vị anh đã đẩy lui được một đợt tấn công của địch vào buổi sáng, nhưng lại lọt vào ổ phục kích đợt thứ hai khi trời chập tối, trên địa thế sinh lầy, nhiều bụi rậm và lau sậy. Một số binh sĩ và anh đã mạng vong bởi đạn và lưới lê dậm của địch ngày 23/5/1965. Anh được truy thăng cấp Trung Úy.

**98.-Thiếu Tá Cao Ngọc Vân, K19, (1938-5/1975).**

Quận Trưởng Hà Tiên, không chịu đầu hàng giặc, dẫn quân tẩu thoát rồi mất tích (xem như đã hy sinh) trong những ngày đầu tháng 5/1975.

\* \* \*

## B/ CÁC SĨ QUAN K19 BỊ HẠI TRONG NGỤC TÙ CS

Trong ngục tù Cộng Sản (CS), đã có những tấm gương bất khuất, chống đối, vượt ngục hay bị hạ sát của các cựu SVSQ, được đăng tải rải rác trong các đặc san. Sau đây là những trường hợp điển hình của Khóa 19:

### **1.-Thiếu Tá Trần Văn Bé, K19. (4/3/1940-10/4/1976).**



Trần Văn Bé đã ra ngoài hàng rào kẽm gai và dừng lại bên lộ để chờ Phạm Văn Tư, nhưng khi nghe súng nổ, biết bạn bị kẹt, Trần Văn Bé nhanh chân vượt thoát về Biên Hòa, nhưng rất buồn là vài ngày sau đó thì anh bị bắt lại, anh bị nhốt vào quan tài sắt (conex) để chờ ngày ra tòa án Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN). Với chính sách “khoan hồng nhân đạo, trước sau như một” nên trước khi xử án, Việt Cộng (VC) đã chuẩn bị cho Trần Văn Bé đầy đủ mọi phương tiện để tạo điều kiện cho anh “cải tạo tốt”, đó là:

Một quan tài, một cọc sắt, một cái lỗ,

AK đạn đã lên nòng và một lũ quan tòa đười ươi.

Có rất nhiều cựu SVSQ VB vượt ngục tù Cộng Sản (CS), nhưng đa số không thoát, cái giá tìm tự do phải trả là bị cực hình tra tấn và bị âm thầm sát hại, nhưng Trần Văn Bé của Khóa 19 thì “được” đưa ra “tòa án” XHCN để xét xử công khai.

Tên chánh án bằng lời lẽ nham hiểm đầy giả dối nói với Trần Văn Bé:

-Anh có điều gì cứ trình bày, khai thật, khai hết để Đảng và Nhà Nước sẽ xét xử khoan hồng tha cho anh trở về với vợ con.

Nhưng Trần Văn Bé đã không nói gì khác mà lớn tiếng tố cáo sự gian dối của chúng rằng kêu gọi đi “học tập” một tháng mà giam giữ muôn năm.

Thế là “quan tòa” gõ búa ra lệnh vệ binh bịt miệng Trần Văn Bé và công tố đọc cáo trạng, xét rằng, xét rằng v.v.. rồi hần tuyên bố:

-Tòa án Quân Sự Quân Khu 7 quyết định xử phạt Trần Văn Bé: **TỬ HÌNH.**

Toán vệ binh kéo Bé ra cột vào cái cọc sắt đã đóng sẵn bên ụ đất, bên cổ quan tài và cạnh hố chôn và rồi những tràng AK như trút hận thù lên Trần Văn Bé.

***Thiếu tá Trần Văn Bé, cựu SVSQ/Khóa 19 ngục đầu xuống, trút hơi thở cuối cùng vào 10 giờ 30 phút ngày Thứ Bảy mùng 10/4/1976, ngày thứ 300 “cải tạo”***

Một sự kiện mà hơn 4 ngàn tù nhân trại Suối Máu chứng kiến và hẳn là còn nhớ mãi cho đến mai sau. Trời đang nắng ráo, nhưng ngay sau khi linh hồn Trần Văn Bé vừa ra khỏi xác, trời đất bỗng nổi cơn giông tố, mây đen bao phủ, cát bụi tung mù toàn thể khu vực trại tù Suối Máu. Tùy theo tôn giáo, tùy niềm tin của mỗi người vào sự linh thiêng của anh hùng Trần Văn Bé, nhưng chắc chắn, tất cả những ai chứng kiến hiện tượng bất thường này đều tin rằng sự tàn ác dã man, gian dối của cầm thú đội lốt người đã khiến trời đất phải nổi giận.

(Trích Đặc San Nguyễn Trãi 1962-2012)

## ***2.-Thiếu Tá Phạm Văn Tư, K19. (5/5/1944-1976).***



Trong những ngày giờ cuối của tháng 4/75 đã có nhiều Sĩ Quan Khóa 19 mất tích trên đường chiến đấu và di tản và sau đó là trong ngục tù CS, đã có một số Sĩ Quan Khóa 19 chống đối và vượt ngục, nhưng chẳng may bị bắt lại và bị sát hại như nhiều CSVSQ VB khác, đó là “Cái Tang Chung Cuối Đời Binh Nghiệp”. Trong cái tang chung ấy, Khóa 19 có nỗi buồn riêng về 2 bạn đồng khóa vượt ngục không thành công và bị “tòa án” VC hành quyết, đó là 2 bạn Trần Văn Bé và Phạm Văn Tư.

Vào cuối năm 1975, VC tập trung các sĩ quan, đa số là cấp tá Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) từ các Trại Long Giao, Hóc Môn về Trại Suối Máu, Biên Hòa, đây là trại giam tù Phiến Cộng trước 1975 được bao quanh bằng nhiều hàng kẽm gai kiên cố, canh gác cẩn thận, vậy mà Trần Văn Bé và Phạm Văn Tư vẫn quyết tâm vượt ngục. Trần Văn Bé đã thoát được ra ngoài, nhưng Phạm Văn Tư bị vướng giữa các hàng rào kẽm gai rồi bị chòi canh VC phát giác, súng nổ, Phạm Văn Tư bị trọng thương. Khi bọn cai tù kéo Phạm Văn Tư ra khỏi hàng rào thì chúng đã “khoan hồng nhân đạo” bắn luôn tứ chi của Phạm Văn Tư cho nát. Phạm Văn Tư bị bỏ mặc nằm trên mặt

đất, được kiến mới tận tình “săn sóc”, còn trùng và VC đã đưa Phạm Văn Tư về “côi phúc” sau một ngày bị đầy dọa ở địa ngục trần gian Suối Máu. VC đã tử hình Phạm Văn Tư. (Trích Đặc San Nguyễn Trãi 1962-2012)



**3. Đại Úy Lê Văn Cử, K19, (21/12/1939-28/9/1976).**

Qua đời vì tai nạn lao động ngày 28/9/1976 tại Trại Tù Hoàng Liên Sơn, miền Bắc.

**4.-Trung Tá Nguyễn Văn Bình, K19, (10/10/1943-1978).**



Trong số 14 Trung Tá thuộc Khóa 19 thì Nguyễn Văn Bình, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 54/ Sư Đoàn 1 Bộ Binh là một trong những “ngôi sao” tương lai của Khóa 19, các bạn đồng khóa cùng Sư Đoàn 1 Bộ Binh như Nguyễn Văn Hóa, Lê Khắc Kha, Hoàng Trai đã xác nhận điều đó. Ngoài những đức tính cần thiết cho một cấp chỉ huy lý tưởng của quân đội là liêm khiết, thuộc cấp phục và thượng cấp mến thì Nguyễn Văn

Bình còn là một người con chí hiếu, mỗi khi chu toàn nhiệm vụ với đại gia đình là đơn vị, thì việc kế tiếp là thăm viếng mẹ già, khi từ già mẹ thì anh luôn luôn đi thụt lùi.

Sau 30/4/1975, anh bị giam tại trại tù Tiên Lãnh, anh đã vượt ngục, khi gần tới biên giới Lào thì bị bắt lại, trên đường bị giải giao về trại, anh đã cương quyết chống lại thái độ hỗn xược của bọn cai tù nên anh đã bị chúng bắn tại chỗ. Ý chí bất khuất của Nguyễn Văn Bình trong lao tù đã được một bạn tù viết thành một cuốn sách. Nhưng trong phạm vi ngắn gọn này thì chúng ta có thể kết luận: “*Trung Tá Nguyễn Văn Bình, CSVSQ/Khóa 19 Trường VBQGVN là một cấp chỉ huy gương mẫu, lý tưởng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, người con chí hiếu của gia đình và người tù bất khuất*”.

(Người viết: Lê Khắc Kha Khóa 19).



**5.-Thiếu Tá Trần Văn Hợp, K19. (15/10/1942-**

1978).

Trần Văn Hợp chọn Binh Chủng Thủy Quân Lục Chiến, chỉ sau một thời gian ngắn thì Trần Văn Hợp và một số Khóa 19 khác đã được đặc cách thăng cấp Trung Úy tại mặt trận. Trần Văn Hợp phục vụ liên tục tại Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến (Trâu Điền) từ cấp trung đội trưởng cho đến tiểu đoàn trưởng và là tiểu đoàn trưởng duy nhất trong số 30 Sĩ quan Khóa 19/ Thủy Quân Lục Chiến. Trần Văn Hợp đã tham dự tất cả các cuộc hành quân trên khắp bốn vùng chiến thuật, Campuchia, Hạ Lào, Quảng Trị cho tới giờ phút cuối cùng 30/4/1975.

Vào giai đoạn khốc liệt nhất mùa Hè 1972 và giai đoạn 55 ngày đêm tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, Trần Văn Hợp, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến luôn xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ. Điều đáng nói về Trần Văn Hợp không phải là chiến công, cấp bậc hay huy chương v.v... mà là phong cách sống và chỉ huy của một sĩ quan xuất thân Võ Bị.

Trong một buổi họp các sĩ quan tham mưu để nhận xét về ưu khuyết điểm sau trận đánh, chỉ huy, lối sống, Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến đã nói:

-Người ta có thể không ưa Hợp, nhưng không ai có thể coi thường Trần Văn Hợp.

Trong Trại Tù Long Giao, khi “học” những bài về “nguy quân, nguy quyền”, tên giảng viên sau khi kể tội các vị tuyên úy, bác sĩ v.v... rồi hấn kết luận một câu mà hằng mấy trăm người cùng nghe, có lẽ đến nay nhiều người còn nhớ:

-Những thứ như Trâu Điền, Cọp Ba Đầu Rắn thì phải thẳng tay trừng trị.

Trâu Điền Trần Văn Hợp đã “tử nạn” đúng như lời đã tuyên bố cảnh cáo của cai tù, của CS: “thà giết lầm hơn bỏ sót” ( Người viết: Tô Văn Cấp Khóa19)

**6.-Đại Úy Trần Văn Khánh, K19, (28/8/1942-1976).**

Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn Quân Cảnh ở Biên Hòa, trốn Trại Tù Long Giao và bị sát hại năm 1976





**7.-Đại Úy Đàm Đình Loan, K19,**  
(1/8/1941-1977).

Qua đời trong trại tù Miền Bắc năm 1977.

**8.-Thiếu Tá Trương Đình Phước, K19,**  
(6/7/1941-15/12/1979).

Bị VC hại chết ngày 15/12/1979 trong Trại Giam Tiên Lãnh, tỉnh Quảng Nam.



**9.-Đại Úy Lê Trọng Tài, K 19, (5/2/1943-**  
1977)..

Bị VC hại chết năm 1977 tại Trại Giam Bù Gia Mập, tỉnh Phước Long.

**10.-Trung Tá Huỳnh Như Xuân, K19, (6/3/1942-12/1979)**

Trung Tá Huỳnh Như Xuân, là một trong 150 người tù mà VC biệt giam sau năm 1975 tại Trại Biệt Giam Đồng Mộ, Tiên Lãnh, Tỉnh Quảng Nam. Trại tù này đã được Thủ Tướng VC Phạm Văn Đồng gọi là 5% không thể cải tạo được.

Huỳnh Như Xuân bị bệnh ruột thừa không được chữa trị. Những lần cơn đau hành hạ Huỳnh Như Xuân, bạn cùng phòng đã báo cáo đến cán bộ quản giáo. Đối thoại giữa quản giáo và an ninh, cho ta thấy rằng không có chính sách chữa trị cho những người tù. Không có thuốc men, Huỳnh Như Xuân đã trút hơi thở cuối cùng vào tháng 12/1979. Đó là chính sách dã man của CSVN.



**Biên Soạn: BBS Khóa 19**